

Bản án số: **250/2026/HS-PT**
Ngày: 22/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hồng***
- ***Các Thẩm phán: Ông Vũ Quang Huy, bà Nguyễn Thị Thanh Hà***
- ***Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang*** - Thư ký TAND thành phố Hà Nội
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà***

Vũ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 109/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2026/HSST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Xuân T; Sinh ngày 08/12/1975 CCCD số 027075000132 do Cục Cảnh sát về QLHC cấp ngày 12 tháng 02 năm 2023; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Số B Đna, H Ecolacke V Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số A H Ecolacke V Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; Con ông: Nguyễn Xuân Đ; Con bà: Đoàn Thị H; Vợ: Nguyễn Thị T1; Có 02, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam: 06/08/2025.

D chỉ bản số 1920 ngày 06/8/2025 do PC11B - Công an thành phố H cung cấp. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại trại giam S1 (*Có mặt tại phiên tòa*).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Thị H1 - Công ty L1 - Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: Số G, tổ B ngõ B phố L, phường H, TP Hà Nội. (*Có mặt tại phiên tòa*).

Vụ án còn có bị hại và người liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty CP G, địa chỉ: Khu D, Cảng hàng không quốc tế N, xã P, huyện S (cũ), thành phố Hà Nội do anh Nguyễn Hoàng S làm Giám đốc, người đại diện theo pháp

luật và là chủ sở hữu đứng tên đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56. Ngày 30/12/2023, anh Nguyễn Đức T2 thuê của anh Nguyễn Hoàng S chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56 để đi lại, thời hạn thuê xe 03 tháng kể từ ngày 30/12/2023 đến ngày 31/3/2024, giá thuê là 13.000.000 đồng/tháng. Hai bên có ký hợp đồng thuê xe và đã thanh toán tiền thuê xe. Hết thời hạn thuê xe, anh T2 tiếp tục hỏi thuê xe, anh S đồng ý, hai bên thống nhất gia hạn thời hạn thuê xe đến khi anh T2 không còn nhu cầu. Sau khi thuê được xe, anh T2 sử dụng xe để đi lại và cho thuê xe lại khi có khách có nhu cầu thuê xe.

Thông qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Xuân T quen biết với anh Nguyễn Đức T2. T đã nhiều lần thuê xe ô tô của anh T2 để sử dụng, các lần thuê xe của anh T2, T đều trả xe và thanh toán tiền thuê xe đầy đủ. Ngày 18/5/2024, T gọi điện cho anh T2 hỏi thuê xe ô tô để đi lại, anh T2 đồng ý cho T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E- 769.56. Hai bên ký Hợp đồng thuê xe ô tô, thời hạn thuê xe là 03 tháng, kể từ ngày 18/5/2024 đến ngày 18/8/2024, giá thuê là 25.000.000 đồng/tháng. Sau khi ký Hợp đồng, anh T2 giao xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56, 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Công ty CP G (bản phô tô) và 01 Giấy chứng nhận kiểm định số DA 2924184 (bản chính), 01 bảo hiểm dân sự xe (bản chính) cho T.

Sau khi thuê được xe ô tô, do cần tiền chi tiêu cá nhân, T nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56. Thông qua mối quan hệ xã hội, T quen biết với anh Vũ Tiến Đ1. Chiều ngày 18/5/2024, T gọi điện thoại cho anh Đ1 nói Công ty của T có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56, do cần giải quyết công việc nên T muốn cầm cố chiếc xe ô tô trong khoảng 10 ngày với số tiền là 300.000.000 đồng, anh Đ1 đồng ý. T lái xe ô tô trên đến nhà anh Đ1 tại thôn M, xã H, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, T và anh Đ1 thống nhất, anh Đ1 nhận cầm cố xe ô tô với số tiền là 300.000.000 đồng, khi đó, T viết giấy bán xe đề ngày 18/5/2024 với nội dung: "tôi là Nguyễn Xuân T có chiếc xe ô tô nhãn hiệu Santafe BKS: 30E-769.56 nay không dùng nữa bán lại cho anh Vũ Tiến Đ1 với giá 300.000.000 đồng". Do trước đó, T nợ anh Đ1 số tiền 50 triệu đồng nên sau khi viết giấy bán xe, anh Đức T3 số tiền nợ là 50.000.000 đồng, anh Đ1 chuyển số tiền 250.000.000 đồng từ tài khoản số 19795588888 mang tên Vũ Tiến Đ1 mở tại Ngân hàng M đến tài khoản số 108876658888 mang tên Nguyễn Xuân T mở tại Ngân hàng V, với nội dung: "Vũ Tiến Đ1 chuyển khoản". Sau khi nhận được tiền, T giao xe và giấy tờ xe cho anh Đ1, số tiền có được T sử dụng chi tiêu vào công việc kinh doanh cá nhân hết.

Sau khi nhận cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56, anh Đ1 sử dụng xe để đi lại và cất giữ tại nhà. Đến tháng 6/2024, do không có chỗ để xe nên anh Đ1 mang xe đến nhà anh Đinh Văn D1 (sinh năm: 1978, trú tại: thôn M, xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ) gửi nhờ. Đến tháng 01/2025, anh D1 mang chiếc xe đến nhà anh Trương Văn L (sinh năm: 1985, trú tại: xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ) để gửi nhờ.

Hết thời hạn thuê xe, anh T2 gọi điện cho T yêu cầu trả xe. Do T đã mang xe đi cầm cố nên T tiếp tục đề nghị gia hạn thuê xe thêm 02 tháng, anh T2 đồng ý. Quá trình thuê xe, từ ngày 24/5/2024 đến ngày 26/01/2025, T chuyển 119.000.000 đồng tiền thuê xe từ tài khoản số 108876658888 mang tên Nguyễn Xuân T mở tại Ngân hàng V1 đến tài khoản số 0978999888 mang tên Nguyễn Đức T2 mở tại Ngân hàng M, sau đó T không trả tiền thuê xe nữa. Anh T2 nhiều lần gọi điện yêu cầu T trả xe nhưng T không trả. Đến ngày 24/12/2024, thông qua hệ thống định vị, anh T2 phát hiện chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56 ở xã Hội Thịnh, tỉnh Phú Thọ. Anh T2 tìm đến gặp anh Đ1 yêu cầu anh Đ1 trả xe cho anh T2 nhưng anh Đ1 không trả và nói T đã bán chiếc xe trên cho anh Đ1. Anh T2 yêu cầu T chuộc xe trả lại anh T2 nhưng T không thực hiện, ngày 01/4/2025 anh T2 làm đơn tố giác hành vi của T đến Cơ quan CSĐT - Công an T và giao nộp: 01 Hợp đồng thuê xe ô tô không đề ngày tháng năm, bên thuê xe (Bên B): Nguyễn Xuân T (A2).

Ngày 02/4/2025 Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Trương Văn L: 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56.

Ngày 02/4/2025 Cơ quan điều tra thu giữ của anh Vũ Tiến Đ1: 01 Giấy bán xe đứng tên Nguyễn Xuân T đề ngày 18/5/2024 (A1); 01 Giấy xác nhận thời hạn hiệu lực đăng kiểm (bản phô tô), 01 Đăng ký xe (bản phô tô), 01 Giấy chứng nhận đăng kiểm, 01 Bảo hiểm dân sự xe.

Cơ quan điều tra xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố H xác định: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56 đăng ký ngày 14/02/2029, chủ xe: Công ty CP G, địa chỉ: Khu D, Cảng hàng không quốc tế N, xã P, huyện S (cũ), thành phố Hà Nội. Xác minh tại Phòng C - Công an thành phố H xác định xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56 không có trong dữ liệu ô tô vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 2313 ngày 22/4/2025 của Phòng C - Công an thành phố H kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc, BKS: 30E-769.56, số khung PLUSV81CDHN007265 và số máy G4KEGA9009971 là số nguyên thủy. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 81 ngày 29/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận H kết luận: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu

Huyn dai Santa fe màu bạc, BKS: 30E-769.56, số khung PLUSV81CDHN007265, số máy G4KEGA9009971 đã qua sử dụng trị giá: 600.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 3190 ngày 05/6/2025 Phòng C - Công an thành phố H kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, chữ ký dưới mục "Đại diện bên B" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Xuân T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ và kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Promax của Nguyễn Xuân T phát hiện có nội dung tin nhắn trao đổi giữa T và anh Nguyễn Đức T2 liên quan đến việc thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Santa fe màu bạc, BKS: 30E-769.56.

Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê tài khoản số 1088876658888 mang tên Nguyễn Xuân T mở tại Ngân hàng V1 xác định có các giao dịch chuyển khoản như nội dung vụ án.

Ngày 24/4/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Santa fe màu bạc, BKS: 30E-769.56 cùng toàn bộ giấy tờ xe cho anh Nguyễn Đức T2. Anh T2 không yêu cầu đề nghị về bồi thường dân sự và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Đối với anh Vũ Tiến Đ1, quá trình điều tra xác định: Anh Đ1 không biết xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Santa fe màu bạc, BKS: 30E-769.56 do T cầm cố cho Đ1 là do T phạm tội mà có, do vậy Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Vũ Tiến Đ1 là có căn cứ. Ngày 29/4/2025 anh Đ1 đã được T trả lại số tiền 300.000.000 đồng, anh Đ1 không yêu cầu bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Đối với anh Đinh Văn D1 và anh Trương Văn L là những người đã tin anh Vũ Tiến Đ1 và cho anh Đ1 gửi nhờ chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santa fe màu bạc, BKS: 30E-769.56 tại nhà mà không hỏi nguồn gốc xe ô tô, do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số 206/CT-VKS-P3 ngày 09/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2026/HSST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Xuân T 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2025.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về việc xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/02/2026 bị cáo Nguyễn Xuân T kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 68/2026/HSST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3, thành phố Hà Nội, đề nghị sửa án sơ thẩm, xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo bị xử mức hình phạt quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Bị cáo phạm tội do gặp khó khăn trong công việc làm ăn, nhất thời phạm tội, hậu quả đã được khắc phục hoàn toàn. Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Bị cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá toàn bộ tình tiết, nội dung vụ án, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 **Điều 355** Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo: Sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Xuân T. Áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T mức án tù 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, số tiền bị cáo chiếm đoạt đã được khắc phục hoàn toàn, trả cho bị hại, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo có cơ hội cải tạo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm về trình tự, thủ tục và thẩm quyền đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 18/5/2025 tại số nhà A ngách F phố T, phường K, thành phố Hà Nội, anh Nguyễn Đức T2 đã cho Nguyễn Xuân T thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe màu bạc BKS: 30E-769.56 với mục đích sử dụng đi lại. Hai bên ký kết Hợp đồng thuê ô tô, thời hạn thuê xe là 03 tháng từ ngày 18/5/2024 đến ngày 18/8/2024, giá thuê 25.000.000 đồng/tháng. Sau khi thuê được xe, do cần tiền để chi tiêu, chiều ngày 18/5/2024, T nảy sinh ý định mang xe ô tô đi cầm cố. T liên hệ với anh Vũ Tiến Đ1 và nói dối anh Đ1 là Công ty của T có chiếc xe oto nhãn hiệu Huyndai Santafe màu bạc BKS: 30E-769.56, do cần tiền để giải quyết việc Công ty nên T muốn cầm cố chiếc xe trong thời hạn 10 ngày để lấy 300.000.000 đồng, anh Đ1 đồng ý. Hết thời hạn thuê xe, để anh T2 không biết việc T đã mang xe đi cầm đồ, T xin gia hạn thuê xe thêm 02 tháng. Đến tháng 12/2024, anh T2 nhiều lần yêu cầu T trả xe nhưng T không trả.

Như vậy, bị cáo thuê xe để sử dụng sau đó do cần tiền chi tiêu, bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và thực hiện hành vi mang xe đi cầm cố. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, nhận định đúng hành vi phạm tội của bị cáo để xác định tội danh cho chính xác. Với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 600.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Xuân T bị xét xử về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt quy định khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người đúng tội, không oan.

[4] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ với giá trị rất lớn. Hành vi của bị cáo cần phải truy tố xét xử nghiêm minh nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt Tòa cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, đánh giá tính chất, mức độ

hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên mức xử phạt bị cáo mức án 10 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ về hậu quả bị cáo đã khắc phục bồi thường được toàn bộ cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Gia đình có công với Cách mạng, bản thân bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận có nhiều đóng góp cho địa phương. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo

Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

I. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân T

II. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2026/HSST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Xuân T** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 54; Điều 38; Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Xuân T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2025.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục án phí, lệ phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 68/2026/HSST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hà Nội không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- Tòa án và VKSND khu vực 3, Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 3, Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hồng